



# **HAGL Agrico**

## **Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ  
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý III năm 2019

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 40

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019


Ngàn VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.482.719.763</b>	<b>4.509.971.413</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>55.886.937</b>	<b>7.845.148</b>
111	1. Tiền	4	55.886.937	7.845.148
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>8.320.233.919</b>	<b>4.466.086.999</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.794.467.017	352.080.983
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.933.342.368	889.187.934
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.011.916.119	1.881.871.110
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.607.276.515	1.342.946.972
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26.768.100)	-
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>77.483.982</b>	<b>25.321.339</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	77.942.707	25.752.653
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(458.725)	(431.314)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>29.114.925</b>	<b>10.717.927</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		415.720	190.998
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.413.374	10.233.707
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		285.831	293.222
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>13.080.632.808</b>	<b>18.588.618.997</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>7.358.513.328</b>	<b>7.148.794.766</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	5.493.135.949	5.643.424.324
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.865.377.379	1.505.370.442
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>60.263.508</b>	<b>49.255.369</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	46.303.182	30.807.795
222	Nguyên giá		70.610.673	52.043.824
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.307.491)	(21.236.029)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	13.960.326	18.447.574
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.236.859)	(29.749.611)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.077.620</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.077.620	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>5.655.778.302</b>	<b>11.386.830.002</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	5.676.616.144	11.371.623.485
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	2.594.610	7.783.830
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.1	(309.437.088)	(278.581.949)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.000.050</b>	<b>3.738.860</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.000.050	3.738.860
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>21.563.352.571</b>	<b>23.098.590.410</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.135.571.773</b>	<b>11.950.359.240</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.767.206.998</b>	<b>5.779.113.942</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	550.825.755	126.426.733
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.426.545.046	99.512.291
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	166.027	74.248
314	4. Phải trả người lao động		4.116.843	3.701.552
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	375.858.091	417.979.769
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	298.959.254	158.515.837
320	7. Vay ngắn hạn	19	4.110.735.982	4.972.903.512
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.368.364.775</b>	<b>6.171.245.298</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	237.248.990	337.190.031
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	976.823.724	973.804.631
338	3. Vay dài hạn	19	1.154.292.061	4.860.250.636
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>12.427.780.798</b>	<b>11.148.231.170</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>12.427.780.798</b>	<b>11.148.231.170</b>
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	8.868.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	8.868.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.064.550.810
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	105.576.190
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		172.114.848	1.109.665.220
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.108.734.224	1.281.418.195
421b	- Lỗ sau thuế chưa phân phối kỳ này		(936.619.376)	(171.752.975)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>21.563.352.571</b>	<b>23.098.590.410</b>

  
Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập

  
Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng

  
Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc



Ngày 5 tháng 11 năm 2019

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2019

Ngân VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		574.345.084	352.996.880	1.636.136.499	1.251.167.051
02	2. Các khoản giảm trừ		(9.324.700)	-	(9.324.700)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	565.020.384	352.996.880	1.626.811.799	1.251.167.051
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(537.186.840)	(322.486.184)	(1.540.706.812)	(1.093.628.295)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.833.544	30.510.696	86.104.987	157.538.756
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	178.105.242	127.515.226	530.429.626	443.008.763
22	7. Chi phí tài chính	23	(966.074.369)	(128.148.235)	(1.394.829.230)	(408.085.637)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(121.210.576)	(126.646.257)	(517.614.309)	(342.522.863)
25	8. Chi phí bán hàng		(79.697.956)	(19.726.526)	(191.903.828)	(51.798.623)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(20.987.341)	(8.322.193)	(66.223.488)	(65.849.603)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(860.820.880)	1.828.968	(1.036.421.933)	74.813.656
31	11. Thu nhập khác	24	7.671	2.971.990	102.942.784	13.508.850
32	12. Chi phí khác	24	(56.642)	(3.190.733)	(3.122.231)	(9.190.250)
40	13. Lợi nhuận khác	24	(48.971)	(218.743)	99.820.553	4.318.600

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

Ngân VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(860.869.851)	1.610.225	(936.601.380)	79.132.256
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	-	-	(17.996)	-
60	16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(860.869.851)	1.610.225	(936.619.376)	79.132.256



Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập

Ngày 5 tháng 11 năm 2019



Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



  
Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2019

Ngàn VND


Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(936.601.380)</b>	<b>79.132.256</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11,12	7.561.960	5.366.585
03	Các khoản dự phòng		57.650.650	58.788.029
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		3.233.265	315.006
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		316.028.636	(443.008.763)
06	Chi phí lãi vay	23	517.976.056	349.164.545
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(34.150.813)</b>	<b>49.757.658</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(1.396.246.959)	(1.277.568.142)
10	Tăng hàng tồn kho		(52.190.054)	(29.498.473)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		1.764.661.523	(503.296.682)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.485.912)	(3.915.727)
14	Tiền lãi vay đã trả		(493.602.042)	(677.232.115)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.996)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(213.032.253)</b>	<b>(2.441.753.481)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(13.831.543)	-
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		1.758.593	113.925
23	Tiền chi cho vay		(587.159.969)	(76.609.825)
24	Tiền thu hồi cho vay		378.196.523	13.200.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.134.242.917)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.018.710.220	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.615.660	107.243.951
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>2.677.046.567</b>	<b>43.948.051</b>


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		3.483.473.610	4.537.207.835
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.899.445.118)	(1.834.931.287)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		<b>(2.415.971.508)</b>	<b>2.702.276.548</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		48.042.806	304.471.118
60	Tiền đầu kỳ	4	7.845.148	24.413.533
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.017)	3.391
70	Tiền cuối kỳ	4	<b>55.886.937</b>	<b>328.888.042</b>



  
 Trương Thị Trúc Thiên Trang  
 Người lập

  
 Phạm Xuân Hòa  
 Kế toán trưởng

  
 Võ Thị Mỹ Hạnh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 11 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý III năm 2019

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười tám (18) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 40,83% vào ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, năm (5) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và một (1) chi nhánh.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, cây ăn trái và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Quý III năm 2019 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2019 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |  |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang  | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.15 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4. TIỀN**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Tiền gửi ngân hàng	54.032.719	7.792.458
Tiền đang chuyển	1.781.618	-
Tiền mặt tại quỹ	72.600	52.690
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.886.937</b>	<b>7.845.148</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.794.467.017	352.080.983

Phải thu ngắn hạn khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 2.508.674.094 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (*Thuyết minh số 26*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	<u>1.933.342.368</u>	<u>889.187.934</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 1.885.534.411 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (*Thuyết minh số 26*).

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	2.011.916.119	1.808.871.110
Cho vay ngắn hạn bên thứ ba	-	73.000.000
	<u><b>2.011.916.119</b></u>	<u><b>1.881.871.110</b></u>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu cho vay dài hạn các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	5.493.135.949	5.643.424.324
	<u><b>5.493.135.949</b></u>	<u><b>5.643.424.324</b></u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>7.505.052.068</b></u>	<u><b>7.525.295.434</b></u>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	1.552.039.321	1.197.529.889
Các khoản khác	55.237.194	145.417.083
	<u><b>1.607.276.515</b></u>	<u><b>1.342.946.972</b></u>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	1.865.377.379	1.505.370.442
	<u><b>1.865.377.379</b></u>	<u><b>1.505.370.442</b></u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>3.472.653.894</b></u>	<u><b>2.848.317.414</b></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Hàng hóa	63.954.932	22.207.201
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.969.200	1.690.951
Công cụ, dụng cụ	2.624.069	1.808.481
Nguyên vật liệu	1.817.587	46.020
Hàng mua đang đi đường	1.576.919	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.942.707</b>	<b>25.752.653</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(458.725)	(431.314)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>77.483.982</b>	<b>25.321.339</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	19.425.632	27.246.223	5.049.786	322.183	52.043.824
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang hoàn thành	459.108	-	-	-	459.108
Mua mới trong kỳ	-	16.271.459	1.158.770	2.439.355	19.869.584
Thanh lý trong kỳ	-	(1.761.843)	-	-	(1.761.843)
Ngày 30 tháng 9 năm 2019	19.884.740	41.755.839	6.208.556	2.761.538	70.610.673
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	(606.437)	(16.750.368)	(3.580.222)	(299.002)	(21.236.029)
Khấu hao trong kỳ	(1.387.438)	(1.168.993)	(506.236)	(12.045)	(3.074.712)
Thanh lý trong kỳ	-	3.250	-	-	3.250
Ngày 30 tháng 9 năm 2019	(1.993.875)	(17.916.111)	(4.086.458)	(311.047)	(24.307.491)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	18.819.195	10.495.855	1.469.564	23.181	30.807.795
Ngày 30 tháng 9 năm 2019	17.890.865	23.839.728	2.122.098	2.450.491	46.303.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Ngàn VND*

*Phần mềm  
 máy vi tính*

**Nguyên giá**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và  
 ngày 30 tháng 9 năm 2019

48.197.185

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 Hao mòn trong kỳ

(29.749.611)  
(4.487.248)

Ngày 30 tháng 9 năm 2019

(34.236.859)

**Giá trị còn lại**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

18.447.574

Ngày 30 tháng 9 năm 2019

13.960.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Ngàn VND</i>			
	<u>Ngày 30 tháng 9 năm 2019</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	5.676.616.144	(309.437.088)	11.371.623.485	(278.581.949)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	286.004.636	-	286.004.636	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	2.594.610	-	7.783.830	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.965.215.390</u></b>	<b><u>(309.437.088)</u></b>	<b><u>11.665.411.951</u></b>	<b><u>(278.581.949)</u></b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ngày 30 tháng 9 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
			Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.513.646	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía (**)	Trồng cây công nghiệp	99,90	882.881.000	-	99,50	878.881.000	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi bò	99,00	615.584.549	(154.263.124)	99,00	615.584.549	(90.195.948)
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Trồng cây công nghiệp và bất động sản	99,53	394.313.155	(55.173.964)	99,53	394.313.155	(43.236.413)
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	198.307.763	-	100,00	171.654.457	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100,00	100.000.000	(100.000.000)
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp và chăn nuôi bò	-	-	-	99,91	3.277.737.120	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương (***)	Trồng cây công nghiệp	-	-	-	100,00	1.650.000.000	-
Công ty TNHH Đông Pénh (*)	Trồng cây công nghiệp	-	-	-	99,70	798.397.600	(45.149.588)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.676.616.144</b>	<b>(309.437.088)</b>		<b>11.371.623.485</b>	<b>(278.581.949)</b>



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(\*) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2019, Công ty Cổ phần Đông Pênh phát hành riêng lẻ 28.125.000 cổ phần với giá bán là 40.000 VND/cổ phần, qua đó tăng vốn điều lệ lên 481.250.000 ngàn VND và chuyển sang loại hình Công ty Trách nhiệm Hữu hạn, đổi tên thành Công ty TNHH Đông Pênh theo giấy phép ĐKKD thay đổi lần thứ 4 ngày 12 tháng 6 năm 2019. Công ty đã mua toàn bộ số cổ phần phát hành này với giá trị 1.125.000.000 ngàn VND, tăng tỷ lệ nắm giữ từ 99,70% lên 99,88%. Vào ngày 19 tháng 8 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 1908-2/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Nhóm Đông Pênh cho Thadi.

(\*\*) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 80.000 cổ phần Công ty Cổ phần An Đông Mia ("ADM") từ Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong ADM tăng từ 99,50% lên 99,90%.

(\*\*\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1706/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 17 tháng 6 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty trong Nhóm Cao su Đông Dương cho Thadi. Vào ngày 6 tháng 7 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng này.

### 12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2019		Ngày 30 tháng 9 năm 2018	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

### 12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2019		Ngày 30 tháng 9 năm 2018	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cảnh Đông Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	45,00	7.783.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công cụ, dụng cụ	4.567.024	2.401.225
Chi phí trả trước dài hạn khác	433.026	1.337.635
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.000.050</b>	<b>3.738.860</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	550.825.755	126.426.733
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>550.825.755</b>	<b>126.426.733</b>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 467.090.594 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (*Thuyết minh số 26*).

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	1.426.545.046	99.512.291
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.426.545.046</b>	<b>99.512.291</b>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 1.412.220.917 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (*Thuyết minh số 26*).

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
Thuế giá trị gia tăng	28.413.374	10.233.707
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	285.831	285.831
Thuế xuất khẩu	-	7.391
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.699.205</b>	<b>10.526.929</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế thu nhập cá nhân	166.027	74.248
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>166.027</b>	<b>74.248</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	182.416.314	139.524.573
Trong đó:		
Chi phí lãi vay phải trả các bên liên quan	97.205.145	138.661.539
Các khoản khác	193.441.777	278.455.196
	<b>375.858.091</b>	<b>417.979.769</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay	237.248.990	337.190.031
Trong đó:		
Chi phí lãi vay phải trả các bên liên quan	-	86.146.259
	<b>237.248.990</b>	<b>337.190.031</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>613.107.081</b>	<b>755.169.800</b>

## 18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	289.013.282	147.685.000
Phải trả khác bên thứ ba	9.945.972	10.830.837
	<b>298.959.254</b>	<b>158.515.837</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	976.823.724	973.804.631
	<b>976.823.724</b>	<b>973.804.631</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.275.782.978</b>	<b>1.132.320.468</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

**19. VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	3.396.942.120	1.729.600.000
Trái phiếu chuyển đổi (*) (Thuyết minh số 19.2)	-	2.153.212.703
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	599.755.219	599.911.828
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	108.750.000	484.897.156
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.5)	5.288.643	5.281.825
	<b>4.110.735.982</b>	<b>4.972.903.512</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.5)	993.042.061	992.100.178
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 19.3)	161.250.000	1.553.227.582
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 19.6)	-	2.314.922.876
	<b>1.154.292.061</b>	<b>4.860.250.636</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.265.028.043</b>	<b>9.833.154.148</b>

**19.1 Vay ngắn hạn các bên liên quan**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	1.877.207.456	983.468.000
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	1.519.734.664	746.132.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.396.942.120</b>	<b>1.729.600.000</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

## 19. VAY (tiếp theo)

### 19.2 Trái phiếu chuyển đổi

(\*) Vào ngày 24 tháng 5 năm 2018 Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng Số 27/GCN - UBCK phát hành trái phiếu chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo với tổng giá trị là 2.217 tỷ VND (mệnh giá là 10 triệu VND/trái phiếu) do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tư vấn phát hành.

Mục đích của việc phát hành trái phiếu này là đầu tư trồng mới, chăm sóc cây ăn trái và tái cơ cấu tài chính. Đến ngày 7 tháng 8 năm 2018, toàn bộ số lượng trái phiếu chuyển đổi của Công ty đã được chào bán thành công. Trái phiếu có thời hạn là 1 năm và lãi suất 0,00%/năm. Vào ngày đáo hạn, tổ chức phát hành sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần chuyển đổi và tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần chuyển đổi trên. Đồng thời tổ chức phát hành cũng sẽ thực hiện niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Giá chuyển đổi được xác định bằng 10.000 đồng/cổ phần. Các cổ phần chuyển đổi sẽ có giá trị ngang bằng với tất cả các cổ phần đang lưu hành khác về tất cả các khía cạnh, tất cả trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phần sẽ ngay lập tức được hủy bỏ và không được tái phát hành hoặc bán lại.

Vào ngày 9 tháng 8 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 221.710.000 cổ phiếu phổ thông để hoán đổi 221,710 trái phiếu với tổng giá trị là 2,217,100,000 ngàn VND (TM số 23.1). Việc phát hành trên đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0605/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0605-1/18/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3007/19/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 7 năm 2019.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 8.868.438.950 ngàn VND lên 11.085.538.950 ngàn VND.

### 19.3 Trái phiếu thường trong nước

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Mệnh giá "Trái phiếu 1.700"	4 270.000.000	1.694.000.000
Mệnh giá "Trái phiếu 431"	-	344.234.136
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(109.398)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>270.000.000</b>	<b>2.038.124.738</b>
<i>Trong đó:</i>		
Trái phiếu dài hạn	161.250.000	1.553.227.582
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	108.750.000	484.897.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**19.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)**

**Trái phiếu 1.700**

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá là 1 (một) tỷ VND/trái phiếu) do Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") thu xếp phát hành. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 3 (ba) tháng một lần với lãi suất là 10,50%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,50%/năm.

Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào; bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Nhóm Công ty.

Trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân ("NCB") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBank") với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND và 1.400 tỷ VND, chịu lãi suất từ 11,00% đến 11,55%/năm trong kỳ này. Vào ngày 26 tháng 6 năm 2019, Công ty đã tắt toán trước hạn khoản vay trái phiếu 1.400 tỷ VND do VPBank sở hữu. Trái phiếu do NCB sở hữu được đảm bảo bằng 26.597.162 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai - Công ty mẹ và được gia hạn thời gian hoàn trả đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

**Trái phiếu 457**

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2016 và ngày 29 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đặt mua lần lượt 290 trái phiếu và 141 trái phiếu do Công ty phát hành, mệnh giá cho mỗi trái phiếu là (một) 1 tỷ VND. Trái phiếu được trả lãi định kỳ (ba) 3 tháng (một) 1 lần, bắt đầu trả lãi vào ngày 27 tháng 3 năm 2018, số tiền lãi trái phiếu được ân hạn sẽ được chia làm (bốn) 4 và được thanh toán vào ngày 27 của các tháng (ba) 3, (sáu) 6, (chín) 9 và (mười hai) 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho (ba) 3 kỳ tính lãi đầu tiên cố định là 10,50%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiền gửi cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng cộng biên độ 4,00%/năm. Mục đích phát hành trái phiếu đợt này là để cơ cấu nợ lãi trái phiếu. Vào ngày 26 tháng 6 năm 2019, Công ty đã tắt toán trước hạn khoản vay trái phiếu này.

**19.4 Vay ngắn hạn ngân hàng**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	599.755.219	599.911.828

**19.5 Vay dài hạn ngân hàng**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	735.876.099	734.927.398
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>998.330.704</b>	<b>997.382.003</b>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	993.042.061	992.100.178
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm	5.288.643	5.281.825

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018</b>				
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.671.438.950	1.064.550.810	1.282.228.195	10.018.217.955
Phát hành cổ phiếu hoán đổi nợ vay	1.197.000.000	-	-	1.197.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	79.132.256	79.132.256
Chi thù lao HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát	-	-	(540.000)	(540.000)
<b>Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2018</b>	<b>8.868.438.950</b>	<b>1.064.550.810</b>	<b>1.360.820.451</b>	<b>11.293.810.211</b>

### Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
<b>Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019</b>					
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2018	8.868.438.950	1.064.550.810	105.576.190	1.109.665.220	11.148.231.170
Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	-	105.576.190	(105.576.190)	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	2.217.100.000	-	-	-	2.217.100.000
Lỗ sau thuế trong kỳ	-	-	-	(936.619.376)	(936.619.376)
Chi thù lao HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	(930.996)	(930.996)
<b>Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2019</b>	<b>11.085.538.950</b>	<b>1.170.127.000</b>	<b>-</b>	<b>172.114.848</b>	<b>12.427.780.798</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu**

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	452.665.840	4.526.658.400	40,83	5.126.658.400
Cổ đông khác	655.888.055	6.558.880.550	59,17	5.958.880.550
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.108.553.895</b>	<b>11.085.538.950</b>	<b>100,00</b>	<b>11.085.538.950</b>

**20.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2019 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	886.843.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	1.108.553.895 1.108.553.895	886.843.895 886.843.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	1.108.553.895 1.108.553.895	886.843.895 886.843.895
Trong đó:		
Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng	1.108.553.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	119.700.000

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

## 21. DOANH THU

### 21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>565.020.384</b>	<b>352.996.880</b>	<b>1.626.811.799</b>	<b>1.251.167.051</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu bán trái cây	303.099.927	248.719.295	882.638.488	694.610.293
Doanh thu bán vật tư nông nghiệp	209.489.878	66.683.779	596.832.612	265.477.621
Doanh thu bán mù cao su	52.430.579	37.123.663	145.977.172	87.812.218
Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ khác	-	470.143	1.363.527	203.266.919

### 21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	173.546.039	116.469.609	523.527.737	382.907.220
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.536.352	-	6.810.191	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.851	587.794	91.698	638.720
Cổ tức	-	10.457.823	-	59.462.823
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>178.105.242</b>	<b>127.515.226</b>	<b>530.429.626</b>	<b>443.008.763</b>

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

## 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý III		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn trái cây	295.124.037	225.130.388	850.421.150	624.058.194
Giá vốn vật tư nông nghiệp	191.032.155	60.324.092	545.419.462	229.793.663
Giá vốn mù cao su	51.030.648	36.630.230	143.828.280	85.981.732
Giá vốn hàng hóa dịch vụ khác	-	401.474	1.037.920	153.794.706
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>537.186.840</b>	<b>322.486.184</b>	<b>1.540.706.812</b>	<b>1.093.628.295</b>

## 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	836.673.439	-	836.673.439	-
Chi phí lãi vay	121.210.576	126.646.257	517.614.309	342.522.863
Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.127.269	(765.955)	9.209.609	151.673
Chi phí phát hành trái phiếu	63.085	2.259.132	361.734	6.641.682
Dự phòng đầu tư tài chính	-	-	30.855.139	58.760.618
Chi phí khác	-	8.801	115.000	8.801
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>966.074.369</b>	<b>128.148.235</b>	<b>1.394.829.230</b>	<b>408.085.637</b>

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Quý III		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			Lũy kế từ đầu năm	
			đến cuối quý này	
<b>Thu nhập khác</b>	<b>7.671</b>	<b>2.971.990</b>	<b>102.942.784</b>	<b>13.508.850</b>
Các khoản khác	7.671	2.971.990	102.942.784	13.508.850
<b>Chi phí khác</b>	<b>56.642</b>	<b>3.190.733</b>	<b>3.122.231</b>	<b>9.190.250</b>
Các khoản phạt	20.933	218.745	310.817	1.408.529
Các khoản khác	35.709	2.971.988	2.811.414	7.781.721
<b>LỖ KHÁC</b>	<b>(48.971)</b>	<b>(218.743)</b>	<b>99.820.553</b>	<b>4.318.600</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

*Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>9 tháng năm 2019</i>	<i>9 tháng năm 2018</i>
<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(936.601.380)</b>	<b>79.132.256</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.090.251	3.539.655
Chênh lệch giữa lãi suất thực tế và lãi suất danh nghĩa liên quan đến phát hành trái phiếu chuyển đổi	63.634.964	-
Thu nhập cổ tức	-	(59.462.823)
Các khoản khác	(101.485.148)	-
<b>(Lỗ) lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>(972.361.313)</b>	<b>23.209.088</b>
Lỗ chuyển sang từ các kỳ trước	-	-
<b>Thu nhập ước tính tính thuế trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Trích bổ sung thuế TNDN cho kỳ trước	17.996	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(17.996)	-
<b>Thuế TNDN trả trước cuối kỳ</b> <i>(Thuyết minh số 16)</i>	<b>(285.831)</b>	<b>(285.831)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Bên liên quan	Bán cổ phần	6.993.691.293
		Bán hàng hóa	382.655.261
		Mua hàng	42.279.964
		Cần trừ công nợ	16.660.800
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Trả gốc vay	2.663.331.840
		Tặng gốc vay	1.242.148.420
		Cần trừ công nợ	435.997.815
		Trả lãi vay	234.159.577
		Chi phí lãi vay	162.185.570
		Bán hàng hóa	14.043.354
		Mua hàng hóa	3.602.064
		Khác	143.696
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải		Vay tiền	1.243.602.663
		Trả gốc vay	470.000.000
		Chi phí lãi vay	66.030.477
Công ty TNHH Đông Pênh	Bên liên quan	Cần trừ công nợ	1.101.587.060
		Cho mượn	23.375.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cần trừ công nợ	392.803.498
		Mua hàng hóa	272.445.302
		Cho vay	151.974.002
		Bán hàng hóa	83.256.591
		Chi hộ	43.668.670
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	18.947.984
		Cho mượn	316.728.000
		Cần trừ công nợ	287.651.000
		Lãi cho vay	55.936.664
		Cho vay	520.000
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Thu tiền cho vay	410.000
		Cần trừ công nợ	304.589.029
		Cho mượn	282.716.887
		Cho vay	21.899.142
		Chuyển từ mượn sang vay	16.543.359
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	3.729.578
		Cho vay	286.640.927
		Lãi cho vay	241.807.412
		Mua hàng hóa	226.501.937
		Bán hàng hóa	225.015.588
		Cần trừ công nợ	110.274.350
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Chi hộ	97.323.832
		Chi hộ BHXH	1.855.333
		Cần trừ công nợ	282.529.816
		Mua hàng hóa	58.756.172
		Cho vay	13.709.147
		Bán hàng hóa	13.140.214
		Lãi cho vay	13.578.278
		Chi hộ	272.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	280.292.134
		Lãi cho vay	41.696.931
		Bán hàng hóa và dịch vụ	14.709.946
		Mua hàng	8.319.049
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico	Bên liên quan	Cần trừ công nợ	277.569.121
		Mua hàng hóa	158.146.194
		Bán hàng hóa	119.325.204
		Cho vay	25.551.800
		Lãi cho vay	2.148.652
		Chi hộ	768.925
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	187.756.295
		Lãi cho vay	67.329.583
		Mua hàng hóa	226.798
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cần trừ công nợ	173.916.453
		Mua hàng hóa	71.212.720
		Cho vay	9.294.800
		Bán hàng hóa	9.673.093
		Lãi cho vay	505.484
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Bên liên quan	Cần trừ công nợ	169.333.913
		Cho mượn	45.965.000
		Trả tiền vay	33.369.275
		Cho vay	17.923.449
		Trả lãi vay	2.102.157
		Lãi cho vay	447.929
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cần trừ công nợ	155.852.012
		Mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản	29.604.144
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Bên liên quan	Cần trừ công nợ	150.605.024
		Mua hàng hóa	100.558.804
		Cho vay	39.130.439
		Bán hàng hóa	35.384.265
		Lãi vay	1.357.991
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	67.818.996
		Lãi cho vay	8.729.581
		Cần trừ công nợ	8.729.581
Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Bên liên quan	Mua hàng	54.068.433
		Bán hàng hóa	5.354.297
		Cần trừ công nợ	3.865.581
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cần trừ công nợ	41.483.649
		Mua hàng hóa	25.273.263
		Bán hàng hóa	10.568.701
		Lãi cho vay	9.005.531
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai	Bên liên quan	Cho vay	2.377.421
		Mua hàng hóa và dịch vụ	34.845.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	22.209.374
		Mua hàng hóa	18.629.368
		Bán hàng hóa	13.866.292
		Cho vay	9.263.955
		Chi hộ	29.652
		Bán TSCĐ	8.800
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp Thaco	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	21.006.127
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai Trường Hải	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	18.395.612
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Cán trừ công nợ	16.732.800
		Mua hàng hóa	7.649.303
		Bán hàng hóa	2.830.430
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	15.805.598
		Bán hàng hóa	13.667.772
		Chi hộ	6.614.383
		Mua hàng hóa và tài sản	2.062.450
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	4.154.007
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán thanh lý tài sản và công cụ dụng cụ	2.874.444
		Mua hàng hóa	1.560.766
		Mua hàng hóa và dịch vụ	4.017.037
Các công ty khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	2.971.354

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</b>			
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Bên liên quan	Bán cổ phần	1.980.170.293
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	271.000.560
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	95.169.415
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico	Bên liên quan	Bán hàng hóa	77.720.093
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Bên liên quan	Bán hàng hóa	18.739.811
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	10.563.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5) (tiếp theo)</i></b>			
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa	9.748.534
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	9.649.221
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	8.593.037
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	6.200.752
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	5.850.511
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Bán hàng hóa	5.559.137
Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Bên liên quan	Bán hàng hóa	5.359.457
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.989.638
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	1.567.779
Các công ty khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	792.497
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>2.508.674.094</u></b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i></b>			
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	665.233.502
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	502.693.122
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	485.931.315
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	62.061.883
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	61.952.703
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	35.341.722
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	29.971.530
Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	28.703.224
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Bán hàng hóa	13.645.410
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.885.534.411</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	883.288.791
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	372.750.955
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	353.564.300
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	248.326.527
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	57.254.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	49.283.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	38.153.746
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	9.294.800
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>2.011.916.119</u></b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay dài hạn	3.051.928.803
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay dài hạn	799.419.593
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay dài hạn	748.654.354
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay dài hạn	735.649.043
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay dài hạn	90.307.655
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Cho vay dài hạn	41.100.501
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay dài hạn	26.076.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>5.493.135.949</u></b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cần trừ	603.251.372
		Cho mượn	29.077.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cần trừ	581.009.925
		Chi trả hộ	123.276.475
		Lãi cho vay	44.622.229
		Cần trừ	64.888.103
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	2.383.922
		Chi trả hộ	5.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)</i></b>			
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Khác	49.333.905
		Chi trả hộ	3.799.818
		Lãi cho vay	2.324.806
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	17.022.830
		Chi trả hộ	1.020.095
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Chi trả hộ	16.732.800
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cần trừ	4.988.795
		Lãi cho vay	219.128
		Chi trả hộ	195.418
Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	2.450.965
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	1.728.600
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	1.463.764
Các công ty khác	Bên liên quan	Chi hộ	909.130
		Cho mượn	680.800
		Khác	654.116
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.552.039.321</u></b>
<b><i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	823.549.468
		Khác	1.969.469
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	397.992.249
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	318.107.853
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Khác	148.299.737
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	147.919.367
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	23.476.035
Các công ty khác	Công ty con	Lãi cho vay	4.063.201
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>1.865.377.379</u></b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</i></b>			
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Bên liên quan	Mua hàng hóa	141.582.934
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico	Bên liên quan	Mua hàng hóa	56.532.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14) (tiếp theo)</b>			
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Bên liên quan	Mua hàng hóa	51.523.268
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	36.545.309
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	27.795.946
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	26.323.777
Công ty TNHH Sản xuất Máy Nông nghiệp Thaco	Bên liên quan	Mua hàng hóa	20.976.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	20.662.761
Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	19.566.347
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	15.792.837
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	14.542.237
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	13.031.004
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai Trường Hải	Bên liên quan	Mua hàng hóa	8.896.600
Chi nhánh Nguyên Vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	6.841.314
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	2.609.723
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	3.868.528
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>467.090.594</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý III năm 2019

**26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>			
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Bên liên quan	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	754.437.110
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	654.746.666
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico	Bên liên quan	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	2.491.440
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	545.701
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.412.220.917</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>			
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cần trừ công nợ	276.771.158
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Mượn tạm	11.685.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cần trừ công nợ	418.543
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Bên liên quan	Cần trừ công nợ	138.581
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>289.013.282</b>
<b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cần trừ công nợ	755.454.821
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cần trừ công nợ	221.368.903
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>976.823.724</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý III năm 2019

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Trương Thị Trúc Thiên Trang  
Người lập



Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 11 năm 2019